

NGHỊ QUYẾT
**Quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa
trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 03/2022/QH15 và Luật số 76/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14;

Căn cứ Nghị định số 80/2021/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn một số điều của Nghị định số 80/2021/NĐ-CP;

Xét Tờ trình số 713/TTr-UBND ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030; Báo cáo thẩm tra số 268/BC-BPC ngày 26 tháng 6 năm 2026 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030.

2. Những nội dung hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa không quy định tại Nghị quyết này được thực hiện theo quy định của Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa số 04/2017/QH14, Nghị định số 80/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

Điều 2. Nguyên tắc hỗ trợ

1. Đối với các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP: Thực hiện theo quy định tại Điều 4 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP.

2. Đối với chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh trên địa bàn tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 - 2030: Hỗ trợ sau đầu tư trên cơ sở hóa đơn, chứng từ và giấy tờ hợp pháp khác. Mỗi đối tượng hỗ trợ chỉ được hưởng chính sách hỗ trợ một lần trong giai đoạn thực hiện Nghị quyết. Việc hỗ trợ phải bảo đảm công khai, minh bạch, đúng đối tượng, không trùng lặp với các chính sách hỗ trợ khác có kinh phí thực hiện từ nguồn ngân sách nhà nước.

Điều 3. Một số chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP

1. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp về quản trị doanh nghiệp

a) Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp thành lập tại địa bàn tỉnh Lào Cai, tổ chức và hoạt động theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp, đáp ứng các tiêu chí xác định doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp. Chi phí của khóa đào tạo về quản trị doanh nghiệp cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Hỗ trợ đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến

a) Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

b) Mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% tổng chi phí của một khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến nhưng không quá 01 khóa/năm/doanh nghiệp. Chi phí của khóa đào tạo trực tiếp tại doanh nghiệp nhỏ và vừa trong lĩnh vực sản xuất, chế biến được xác định theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo

a) Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa khởi nghiệp sáng tạo được lựa chọn để hỗ trợ theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; Điều 14 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

b) Mức hỗ trợ tư vấn sở hữu trí tuệ, khai thác và phát triển tài sản trí tuệ:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 40 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về xây dựng bản mô tả sáng chế, bản thiết kế kiểu dáng công nghiệp, bản thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu nhưng không quá 40 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn quản lý và phát triển các sản phẩm, dịch vụ được bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Mức hỗ trợ thực hiện các thủ tục về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng; thử nghiệm, hoàn thiện sản phẩm, mô hình kinh doanh mới:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng, áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không vượt quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp và xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

4. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị

a) Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa tham gia cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị sản xuất, chế biến được lựa chọn để hỗ trợ theo quy định tại Điều 23, Điều 24 Nghị định số 80/2021/NĐ-CP; Điều 16, Điều 17 Thông tư số 06/2022/TT-BKHĐT.

b) Mức hỗ trợ nâng cao năng lực liên kết sản xuất và kinh doanh:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn đánh giá toàn diện năng lực của doanh nghiệp nhỏ và vừa trong cụm liên kết ngành, chuỗi giá trị nhưng không quá 40 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn cải tiến, nâng cấp kỹ thuật chuyên sâu cho doanh nghiệp nhỏ và vừa nhằm cải thiện năng lực sản xuất, đáp ứng yêu cầu kết nối, trở thành nhà cung cấp của doanh nghiệp đầu chuỗi nhưng không quá 110 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

c) Mức hỗ trợ thông tin, phát triển thương hiệu, kết nối và mở rộng thị trường:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn về thủ tục xác lập, chuyển giao, khai thác và bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ở trong nước nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn tìm kiếm thông tin, quảng bá sản phẩm, phát triển thương hiệu cụm liên kết ngành và chuỗi giá trị nhưng không quá 30 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

d) Mức hỗ trợ tư vấn về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, đo lường, chất lượng:

Hỗ trợ 100% giá trị hợp đồng tư vấn để doanh nghiệp xây dựng và áp dụng tiêu chuẩn cơ sở nhưng không quá 20 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp; hợp đồng tư vấn xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 60 triệu đồng/hợp đồng/năm/doanh nghiệp.

Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận sản phẩm phù hợp quy chuẩn kỹ thuật nhưng không quá 30 triệu đồng/sản phẩm/năm/doanh nghiệp.

đ) Mức hỗ trợ thực hiện các thủ tục về sản xuất thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng:

Hỗ trợ 100% chi phí thử nghiệm, kiểm định, giám định, chứng nhận chất lượng sản phẩm, hàng hóa; chi phí chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng nhưng không quá 40 triệu đồng/năm/doanh nghiệp.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh

1. Đối tượng hỗ trợ: Các doanh nghiệp nhỏ và vừa thành lập trên địa bàn tỉnh Lào Cai theo quy định của pháp luật trong giai đoạn 2026 - 2030, trên cơ sở chuyển đổi từ hộ kinh doanh có thời gian hoạt động tối thiểu 01 năm trước khi chuyển đổi; có hồ sơ đề nghị hỗ trợ gửi cơ quan chức năng xem xét, thẩm định trong thời hạn 1,5 năm kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký thành lập doanh nghiệp.

2. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ kinh phí làm con dấu khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 01 triệu đồng/doanh nghiệp.

b) Hỗ trợ kinh phí làm biển hiệu khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 03 triệu đồng/doanh nghiệp.

c) Hỗ trợ 100% chi phí thực hiện các dịch vụ kế toán, kê khai, báo cáo và quyết toán thuế trong 01 năm đầu tiên nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/tháng/doanh nghiệp.

d) Hỗ trợ kinh phí mua phần mềm kế toán khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 04 triệu đồng/doanh nghiệp.

đ) Hỗ trợ kinh phí cho dịch vụ chữ ký số khi đăng ký thành lập doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 02 triệu đồng/doanh nghiệp.

e) Hỗ trợ doanh nghiệp mua, in hóa đơn, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 1,5 triệu đồng/doanh nghiệp.

g) Hỗ trợ mua văn phòng phẩm phục vụ cho việc lưu giữ tài liệu tại doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 1,5 triệu đồng/doanh nghiệp.

h) Hỗ trợ mua sắm trang thiết bị văn phòng doanh nghiệp, mức hỗ trợ theo chi phí thực tế nhưng tối đa không quá 15 triệu đồng/doanh nghiệp.

Điều 5. Kinh phí thực hiện

Kinh phí thực hiện chính sách được đảm bảo từ nguồn ngân sách tỉnh, được giao trong dự toán ngân sách hàng năm theo quy định.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa chuyển đổi từ hộ kinh doanh; hướng dẫn, tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 7 năm 2026 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2030.

2. Bãi bỏ Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 14 tháng 4 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Yên Bái quy định chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh Yên Bái giai đoạn 2020 - 2025.

3. Bãi bỏ số thứ tự 03 tiểu mục II.2 Phụ lục số I ban hành kèm theo Nghị quyết số 12/NQ-HĐND ngày 08 tháng 7 năm 2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai về việc tiếp tục thực hiện, bãi bỏ một phần, bãi bỏ toàn bộ một số nghị quyết quy định về chính sách chi ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế bằng các văn bản khác của cơ quan có thẩm quyền thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khóa XVII, Kỳ họp thứ 3 thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đảng ủy các cơ quan Đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Công báo;
- Lưu: VT, CVPC. *MS*

CHỦ TỊCH



Hoàng Giang